

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ - VĂN HÓA CỦA TỪ NGỮ CHỈ ĐỊA DANH Ở HẢI PHÒNG ĐỖ PHƯƠNG LÂM*

TÓM TẮT: Bài viết khảo cứu đặc điểm ngôn ngữ và giá trị văn hóa của hệ thống địa danh thành phố Hải Phòng qua các thời kì lịch sử từ thế kỉ I CN đến nay. Trên cơ sở phân tích hơn 200 địa danh tiêu biểu thuộc ba nhóm - địa danh hành chính, địa danh tự nhiên và địa danh nhân văn - bài viết xác lập bốn đặc trưng ngôn ngữ nổi bật: (1) cấu trúc hình thái theo mô hình yếu tố chung + yếu tố riêng; (2) nguồn gốc đa tầng Việt - Hán - Pháp - Hà Lan; (3) cơ chế biến đổi đặc thù gồm đọc chệch, rút gọn, Hán hóa, Việt hóa, phiên âm và chuyển nghĩa; (4) phản chiếu văn hóa biển đặc trưng của cộng đồng cư dân đất cảng. Đặc biệt, bài viết lần đầu tiên phân tích hiện tượng địa danh biến mất và địa danh mới sản sinh trong bối cảnh sáp nhập hành chính 2025, nhìn nhận đây như một cuộc "biến đổi địa danh học" cần được tư liệu hóa khẩn cấp.

TỪ KHÓA: Địa danh học; Hải Phòng; ngôn ngữ - văn hóa; địa danh biển đảo; biến đổi địa danh.

NHẬN BÀI: 23/01/2026. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 17/04/2026

1. Mở đầu

Địa danh (toponym) - tên gọi các địa điểm địa lí - là lớp từ vựng vừa mang đặc trưng ngôn ngữ vừa chứa đựng tầng tầng lớp lớp kí ức văn hóa, lịch sử và tâm thức cộng đồng. Mỗi địa danh là một "văn bản" thu nhỏ ghi lại dấu ấn của thời gian, của con người, của sự kiện và của quan niệm thẩm mỹ từng gắn với mảnh đất đó. Vì thế, nghiên cứu địa danh không chỉ là công việc của ngôn ngữ học mà còn là sứ mệnh bảo tồn di sản văn hóa.

Hải Phòng là một trường hợp địa danh học đặc biệt thú vị: đây là đô thị cảng biển có chiều sâu lịch sử hàng nghìn năm, nơi giao thoa của nhiều nền văn hóa - Việt, Hoa, Pháp, Hà Lan - và nơi lớp địa danh cổ nhất còn lưu lại dấu vết từ thời Hai Bà Trưng bên cạnh lớp địa danh mới nhất vừa hình thành năm 2025 sau cuộc sáp nhập hành chính lịch sử giữa thành phố Hải Phòng và tỉnh Hải Dương. Sự đa tầng, đa nguồn gốc và liên tục biến đổi này tạo ra một hệ thống địa danh vừa phong phú vừa dễ tổn thương trước các áp lực hiện đại.

Bài viết này tập trung vào ba nội dung chính: (1) phân tích đặc điểm ngôn ngữ của địa danh Hải Phòng - cấu tạo, từ nguyên, cơ chế biến đổi; (2) giải mã giá trị văn hóa ẩn chứa trong các lớp địa danh; (3) đánh giá biến động địa danh đương đại, đặc biệt là thực trạng địa danh cũ biến mất và địa danh mới sản sinh sau năm 2020.

2. Cơ sở lí luận và ngữ liệu khảo sát

2.1. Khung lí luận địa danh học

Địa danh học (Toponymy) tiếp cận địa danh trên ba bình diện bổ sung nhau: ngôn ngữ học (cấu trúc, ngữ nghĩa, lịch sử từ), địa lí học (mối quan hệ tên gọi - địa hình) và văn hóa học (địa danh như kí ức cộng đồng). Superanskaya (1985) phân loại địa danh theo tầng lịch sử và đặc điểm cấu tạo; Lê Trung Hoa (2006) đề xuất mô hình phân tích địa danh tiếng Việt gồm yếu tố chung (phụ danh - từ loại) và yếu tố riêng (chính danh - tên cụ thể). Bài viết tiếp thu mô hình này và điều chỉnh cho phù hợp với đặc thù địa danh Hải Phòng.

Về đặc điểm cấu tạo, địa danh tiếng Việt thường có cấu trúc: [yếu tố chung] + [yếu tố riêng]. Trong đó yếu tố chung cho biết loại hình địa danh (sông, núi, huyện, phường, làng, đảo, cầu, phố...) và yếu tố riêng là phân phân biệt tên gọi. Ở Hải Phòng, mô hình này xuất hiện ở tất cả các lớp địa danh: sông Bạch Đằng, núi Rồng, núi Voi, đảo Cát Bà, phường An Biên, quận Hồng Bàng, v.v.

2.2. Ngữ liệu khảo sát

Ngữ liệu của bài viết được thu thập từ nhiều nguồn: (1) Địa chí Hải Phòng (2001); (2) Thần tích

*TS; Trường Đại học Hải Phòng; Email: dolamdhhp@gmail.com

Đương cảnh thành hoàng Nam Hải uy linh Thánh chân công chúa (1572, Nguyễn Bính soạn); (3) Địa bạ Gia Long (1805); (4) Đại Nam nhất thống chí (triều Nguyễn); (5) Bản đồ Pháp thuộc các thời kì (1874-1954); (6) Nghị quyết sáp nhập hành chính giai đoạn 2023-2025 (Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 và Nghị quyết số 202/2025/QH15); (7) Tư liệu điền dã và phỏng vấn tại các quận huyện Hải Phòng. Bài viết phân tích khoảng 200 địa danh tiêu biểu đại diện cho các lớp và các nhóm địa danh khác nhau.

3. Các lớp địa danh Hải Phòng qua tiến trình lịch sử

Hệ thống địa danh Hải Phòng được tạo thành từ nhiều lớp chồng lên nhau, mỗi lớp mang dấu ấn của một giai đoạn lịch sử. Việc phân tầng này không chỉ có ý nghĩa niên đại mà còn cho thấy sự kế thừa, tiếp biến và xung đột giữa các lớp địa danh.

3.1. Lớp địa danh cổ xưa - từ thời khai ấp đến Bắc thuộc (trước thế kỉ X)

Địa danh cổ nhất được ghi nhận liên quan đến Hải Phòng là trang An Biên - do nữ tướng Lê Chân (thế kỉ I CN) lập ra tại vùng ven biển huyện An Dương. Theo Thần tích do Hàn lâm viện Nguyễn Bính chép năm 1572, bà đặt tên là An Biên (安邊) với nghĩa "vùng đất an toàn nơi biên giới biển". Đây là một địa danh mang cấu tạo Hán Việt thuần chính thống: [An] (yên ổn) + [Biên] (biên giới, bờ cõi) - cả hai âm tiết đều là Hán Việt. Đây cũng là căn cứ cho giả thuyết: tên Hải Phòng bắt nguồn từ "Hải tần phòng thủ" 海濱防守 - phòng thủ vùng bờ biển - một chuỗi nghĩa liên quan trực tiếp đến địa danh gốc An Biên.

Thời Bắc thuộc, vùng Hải Phòng nằm trong các đơn vị hành chính Trung Hoa như huyện Ân Phong (sau đổi thành Chi Phong) thuộc phủ Nham Châu. Những địa danh này để lại di tích qua tên các làng xã cổ vùng Thủy Nguyên, An Dương, Kiến Thụy ngày nay. Về mặt ngôn ngữ, đây là lớp địa danh Hán thuần - tức là âm đọc Hán cổ chưa qua Việt hóa - ngày nay phần lớn đã biến mất khỏi sử dụng thường ngày.

3.2. Lớp địa danh thời độc lập tự chủ (thế kỉ X-XVIII)

Đây là giai đoạn tạo ra lớp địa danh phong phú và có chiều sâu văn hóa nhất của Hải Phòng. Nổi bật nhất là địa danh Bạch Đằng giang 白藤江 - con sông gắn với ba chiến thắng lịch sử năm 938 (Ngô Quyền), 981 (Lê Hoàn) và 1288 (Trần Hưng Đạo). Về từ nguyên: Bạch = trắng (màu sắc, hoặc tên riêng); Đằng = cây mây, cây dây leo; Giang = sông. Nghĩa đen là "sông cây mây trắng" - mô tả đặc điểm tự nhiên của dòng sông. Tuy nhiên, qua các chiến thắng lịch sử, địa danh này đã vượt nghĩa đen để trở thành biểu tượng văn hóa-lịch sử.

Thời nhà Mạc (1527-1592), vùng đất Kiến Thụy được nâng lên thành Dương Kinh 陽京 - kinh đô thứ hai, với ý nghĩa "kinh đô phía đông/ kinh đô dương tính" (đối lập với kinh đô Thăng Long ở phía tây). Đây là trường hợp địa danh mang nghĩa chính trị rõ ràng nhất trong lịch sử Hải Phòng.

Đặc biệt thú vị là hai địa danh trong thư tịch hàng hải châu Âu thế kỉ XVII-XVIII: Batsha/Batshaw (Đồ Sơn) và Domea (Đồ Mè, Tiên Lãng). Batsha là phiên âm La-tinh hóa của "bãi tắm" hay "bãi sha" - một từ dân gian chỉ bãi biển cạn. Nhà bác học Isaac Newton đã nhắc đến "cảng Batsham" trong tác phẩm Principia Mathematica (1687) vì hiện tượng thủy triều một lần/ ngày độc đáo ở vùng biển này - minh chứng cho sức lan tỏa quốc tế của địa danh Hải Phòng ngay từ thế kỉ XVII.

3.3. Lớp địa danh thế kỉ XIX - sự hình thành địa danh "Hải Phòng"

Đây là giai đoạn có ý nghĩa nhất về mặt địa danh học vì tên Hải Phòng chính thức ra đời. Có bốn giả thuyết về nguồn gốc tên gọi này, mỗi giả thuyết đều có cơ sở tư liệu:

Bảng 1. Các giả thuyết về nguồn gốc địa danh "Hải Phòng"

Giả thuyết	Nội dung	Cơ sở tư liệu	Độ khả tín
Hải tần phòng thủ	Lê Chân lập trang An Biên - vùng "hải tần phòng thủ" (phòng thủ vùng bờ biển) → rút gọn thành Hải Phòng	Thần tích 1572; Địa bạ cổ	Cao (lịch sử lâu đời nhất)

Đồn Hải Phòng	Năm 1870, Bùi Viện lập đồn Hải Phòng tại làng Gia Viên - căn cứ thủy quân với 2.000 quân, 200 chiến thuyền	Sách Viên Đông (Bonnetain); Jean Dupuis (1896)	<i>Cao</i>
Hải Dương thương chính quan phòng	Sau Hòa ước Giáp Tuất (1874), nhà Nguyễn và Pháp lập cơ quan thuế vụ chung tại cảng Ninh Hải → gọi tắt Hải Phòng	Hòa ước Giáp Tuất 1874	<i>Trung bình (cơ sở văn bản)</i>
Hải phòng xứ	Chức danh hành chính chỉ vùng duyên hải gồm Hải Dương, Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình thời Nguyễn	Châu bản triều Nguyễn	<i>Trung bình</i>

Xét về đặc điểm ngôn ngữ, địa danh "Hải Phòng" 海防 là một từ ghép Hán Việt hoàn toàn: Hải (海 = biển) + Phòng (防 = phòng thủ, ngăn chặn). Cấu trúc này thuộc loại "danh + động" trong từ Hán Việt, mang nghĩa khái quát "phòng thủ biển" hoặc cụ thể hơn là "đồn phòng thủ vùng biển". Đây là địa danh thuần Hán Việt chính thống, không có dạng thuần Việt tương đương.

Về mặt hành chính, địa danh Hải Phòng được chính thức hóa qua hai mốc: Hiệp ước Harmand (1883) tách Ninh Hải lập tỉnh Hải Phòng; và ngày 19/7/1888, Toàn quyền Đông Dương Richaud kí Nghị định thành lập thành phố Hải Phòng - đưa địa danh này chính thức lên bản đồ hành chính Liên bang Đông Dương.

3.4. Lớp địa danh thuộc địa Pháp (1874-1954)

Đây là giai đoạn tạo ra một lớp địa danh đặc biệt: vừa Pháp hóa vừa để lại những dấu ấn công nghiệp hóa độc đáo trong kí ức ngôn ngữ người Hải Phòng. Có thể phân biệt hai nhóm địa danh thuộc địa:

Nhóm thứ nhất: địa danh theo tên người Pháp, sau 1954 được Việt hóa bằng tên nhân vật lịch sử Việt Nam. Ví dụ: Rue Paul Bert → phố Tráng Kênh; Boulevard Bonnal → đường Điện Biên Phủ; Rue du Commerce → phố Hoàng Diệu. Đây là cơ chế "thay thế địa danh" (renaming) điển hình: vỏ âm thanh mới, địa điểm cũ.

Nhóm thứ hai: địa danh công nghiệp - di tích ngôn ngữ của thời kì thuộc địa hóa kinh tế. Người Hải Phòng gọi các nhà máy thuộc địa bằng cách rút gọn hoặc Việt hóa tên Pháp: nhà máy Tơ (Filature de soie), nhà máy Chai (Verrerie), nhà máy Bát (Faïencerie), nhà máy Chỉ (Filature de coton), nhà máy Cơ khí Ca-rông (Caron). Những tên gọi này không phải là địa danh hành chính chính thức nhưng trở thành địa danh sống động trong kí ức cộng đồng, gắn với từng khu dân cư cho đến ngày nay. Đây là loại địa danh nhân văn-công nghiệp hiếm gặp trong hệ thống địa danh Việt Nam.

3.5. Lớp địa danh cách mạng và đô thị hóa (1954-2019)

Sau 1954, hệ thống địa danh Hải Phòng được đổi mới mạnh mẽ theo tinh thần dân tộc. Các tên phố, tên đường được đặt theo tên anh hùng dân tộc, lãnh tụ cách mạng và địa danh lịch sử: đường Ngô Quyền, phố Trần Hưng Đạo, quận Lê Chân, quận Ngô Quyền, đường Hoàng Diệu, đường Tô Hiệu. Đây là lớp địa danh nhân vật lịch sử (anthrotoponyms) - chiếm tỉ lệ rất cao trong hệ thống tên đường phố Hải Phòng hiện đại.

Năm 1962, Hải Phòng hợp nhất với tỉnh Kiến An nên hệ thống địa danh được mở rộng đáng kể. Các thực thể địa lí mới hình thành trong giai đoạn công nghiệp hóa cũng tạo ra lớp địa danh mới: khu công nghiệp Đình Vũ, khu kinh tế Đồ Sơn, cảng Đình Vũ, v.v.

4. Đặc điểm ngôn ngữ của địa danh Hải Phòng

4.1. Đặc điểm cấu tạo hình thái

Theo mô hình phân tích của Lê Trung Hoa (2006), địa danh tiếng Việt có cấu tạo: [yếu tố chung; YTChung] + [yếu tố; YTRiêng], trong đó yếu tố chung (còn gọi là phụ danh hay từ loại) cho biết loại hình địa điểm, yếu tố riêng (chính danh) là phần phân biệt. Địa danh Hải Phòng tuân theo mô hình này một cách nhất quán:

Bảng 2. Phân tích cấu tạo địa danh Hải Phòng theo mô hình yếu tố chung + yếu tố riêng

Địa danh	Yếu tố chung	Yếu tố riêng	Tầng nguồn gốc
sông Bạch Đằng	sông	Bạch Đằng 白藤	Hán Việt cổ
đảo Cát Bà	đảo	Cát Bà (← Các Bà)	Thuần Việt (biến đổi)
bán đảo Đồ Sơn	bán đảo	Đồ Sơn 土山	Hán Việt
huyện Thủy Nguyên	huyện	Thủy Nguyên 水原	Hán Việt
quận Hồng Bàng	quận	Hồng Bàng (chim hồng, Việt cổ)	Hán Việt huyền sử
phường An Biên	phường	An Biên 安邊	Hán Việt (thế kỉ I CN)
đảo Bạch Long Vĩ	đảo	Bạch Long Vĩ 白龍尾	Hán Việt mô tả địa hình
sông Cấm	sông	Cấm (← cấm kỵ, nguyên do tranh luận)	Thuần Việt / lai
sông Lạch Tray	sông	Lạch Tray (lạch = dòng hẹp; Tray = cây tray?)	Thuần Việt
đảo Hòn Dấu	đảo/hòn	Dấu (dấu vết, chỉ dấu)	Thuần Việt

Đặc điểm nổi bật là sự đa dạng trong yếu tố chung: địa danh tự nhiên thường dùng các từ thuần Việt (sông, núi, hòn, đảo, lạch, cửa, vũng, vịnh); địa danh hành chính thường dùng Hán Việt (quận, huyện, phường, xã, thị trấn). Sự phân công ngôn ngữ này phản ánh hai tầng văn hóa khác nhau: văn hóa dân gian gắn với địa hình tự nhiên (thuần Việt) và hệ thống hành chính Nho giáo - Hán học (Hán Việt).

4.2. Đặc điểm nguồn gốc từ nguyên - phân loại theo lớp ngôn ngữ

Khảo sát 200 địa danh tiêu biểu, chúng tôi xác định bốn lớp ngôn ngữ nguồn gốc chính:

4.2.1. Địa danh thuần Việt

Đây là lớp địa danh phản ánh trực tiếp đặc điểm địa hình và sinh thái vùng ven biển. Đặc trưng là dùng các từ chỉ địa hình biển đặc thù: lạch (dòng nước hẹp), vụng (vịnh nhỏ), áng (eo biển nhỏ), hòn (đảo nhỏ), ghềnh, bãi. Ví dụ:

(1) sông Lạch Tray → lạch = dòng nước hẹp; Tray = có thể liên quan đến "cây tray" hoặc địa danh bản địa Việt cổ.

(2) vụng Lan Hạ → vụng = vịnh nhỏ được bao bọc; Lan Hạ = hoa lan mọc dưới thấp (Hán Việt).

(3) cửa Cấm → "cửa" thuần Việt chỉ cửa sông; Cấm có thể: (a) từ vùng đất bị "cấm" (triều Nguyễn), (b) từ địa danh cũ bị biến đổi.

(4) hòn Dấu → hòn đảo nhỏ; Dấu = dấu vết của vùng đất tiền tiêu (hoặc liên quan đến "dấu" chỉ kí hiệu phòng thủ).

Và hàng loạt địa danh thuần Việt có cấu trúc danh từ chung + tên riêng (thuần Việt):

- các núi: Núi Đồi, Núi Đèo, Núi Voi,...
- các phà: Rừng, Bình, Khuế...
- các cây cầu: Cầu Đen, Cầu Đất, Cầu Rào...
- các ngã tư, ngã ba: Ruồn, Rế,
- các quán: quán (bà) Mau, quán Toan, quán Rẽ, quán Chùng,...
- các nhà máy: Máy Chai, Máy Tơ, Máy Xi,...

4.2.2. Địa danh Hán Việt

Chiếm tỉ lệ cao nhất trong hệ thống địa danh Hải Phòng, đặc biệt ở lớp địa danh hành chính và địa danh liên quan đến sự kiện lịch sử. Lớp này lại chia thành hai nhóm con:

- Hán Việt mô tả địa hình: Bạch Đằng (sông cây mây trắng), Thủy Nguyên (nguồn nước), Bạch Long Vĩ (đuôi rồng trắng), Đồ Sơn (núi đất), Trảng Kênh (tức *trường kênh*: kênh dài).

- Hán Việt mang ý nghĩa chính trị-văn hóa: An Biên (an toàn nơi biên giới), Hồng Bàng (huyền sử tộc người), Dương Kinh (kinh đô phía đông), Ninh Hải (biển bình yên), Kiến Thụy (An lành xuất hiện).

(5) *Bạch Long Vĩ* 白龍尾 → mô tả hình dáng đảo nhìn từ biển: dài đất trắng dài như đuôi rồng - địa danh thuần mô tả địa hình.

(6) *Dương Kinh* 陽京 → kinh đô phía đông-dương - địa danh mang ý nghĩa chính trị nhà Mạc.

(7) *Hồng Bàng* 鴻龐 → tên chim hồng lớn trong huyền thoại Lạc Long Quân - địa danh gắn với huyền sử Việt.

(8) *Ninh Hải* 寧海 → biển yên lặng, bình yên - tên cổ của cảng Hải Phòng trước thế kỉ XIX.

(9) *Tiên Lãng* 先郎 → đầu sóng.

(10) *Vĩnh Bảo* 永保: → mãi mãi gìn giữ, bảo vệ.

(11) *Kiến An* 建安: → hiện điềm lành, an yên.

4.2.3. *Địa danh vay mượn từ tiếng Pháp và Hà Lan*

Đây là lớp địa danh đặc trưng nhất, thể hiện giao lưu văn hóa-thương mại quốc tế từ thế kỉ XVII:

(12) *Domea* → tiếng Hà Lan (thương điểm Hà Lan thế kỉ XVII) → Đồ Mè (Tiên Lãng). Cơ chế: phiên âm La-tinh hóa tiếng Việt hoặc ngược lại.

(13) *Batsha/ Batshaw* → phiên âm tiếng Bồ-Hà của địa danh vùng Đồ Sơn. Newton viết "Batsham" trong Principia Mathematica (1687).

(14) *nhà máy Chai (Verrerie)* → Việt hóa nghĩa: verrerie (nhà máy thủy tinh) → "nhà máy Chai" (sản phẩm).

(15) *nhà máy Ca-rông* → phiên âm tên chủ người Pháp: Caron → Ca-rông (giữ nguyên âm, Việt hóa thanh điệu).

4.2.4. *Địa danh lai ghép (Hán Việt + thuần Việt)*

Một số địa danh Hải Phòng là sản phẩm lai ghép của hai lớp ngôn ngữ, phản ánh quá trình tiếp xúc và hòa trộn trong thực tiễn giao tiếp:

(16) *vịnh Lan Hạ* → "vịnh" thuần Việt + "Lan Hạ" Hán Việt → lai ghép phổ biến trong địa danh biển đảo Hải Phòng.

(17) *sông Lạch Tray* → "lạch" thuần Việt + "Tray" không rõ nguồn gốc → loại lai ghép thú vị cần nghiên cứu thêm.

(18) *cầu Rào* → "cầu" Hán Việt (橋) + "Rào" thuần Việt (hàng rào, rào cản) → cấu tạo lai ghép.

4.3. *Cơ chế biến đổi địa danh đặc thù của Hải Phòng*

Điểm đặc biệt thú vị nhất của địa danh học Hải Phòng là sự phong phú của các cơ chế biến đổi. Chúng tôi xác định được sáu cơ chế chính:

4.3.1. *Đọc chệch âm (phonic shift)*

Đây là cơ chế phổ biến nhất - một âm tiết hoặc cụm âm tiết bị đọc lệch so với âm gốc do ảnh hưởng của phương ngữ, thói quen phát âm hoặc yếu tố lịch đại. Trường hợp điển hình và được ghi nhận rõ nhất là Cát Bà:

(19) [đọc chệch] *Cát Bà* → *Cát Bà* → Bản đồ Pháp 1938 vẫn ghi "Cát Bà"; dân gian đọc chệch âm "các" thành "cát" - biến tổ âm ngắt/ vào (stop initial) thành không mũi. Địa danh Cát Ông (← Các Ông) và Cát Hải (← Các [đảo] Hải) cùng hệ thống.

Cơ chế đọc chệch còn gặp ở nhiều địa danh khác:

(20) [đọc chệch] *Đồ Mè* ← *Domea* → phiên âm ngược từ tiếng Hà Lan hoặc Bồ Đào Nha sang tiếng Việt, sau đó biến đổi âm thanh dần dần.

(21) [đọc chệch] *sông Cấm* ← *Cổ Am*? → một giả thuyết về nguồn gốc sông Cấm từ địa danh làng Cổ Am bị biến âm qua thời gian.

4.3.2. Rút gọn (*truncation*)

Cơ chế rút gọn từ chuỗi nhiều âm tiết xuống còn một hoặc hai âm tiết là đặc trưng của tiếng Việt nói chung và đặc biệt phổ biến trong địa danh Hải Phòng:

(22) [rút gọn] *Hải tần phòng thủ* → *Hải Phòng* → chuỗi 4 âm tiết → 2 âm tiết, giữ lại âm đầu và cuối.

(23) [rút gọn] *Hải Dương thương chính quan phòng* → *Hải Phòng* → rút từ chuỗi 7 âm tiết → 2 âm tiết trọng tâm nghĩa.

(24) [rút gọn] *Nhà máy Xi-măng Hải Phòng* → *Máy Xi* → trong khẩu ngữ dân gian rút gọn thêm, chỉ để lại sản phẩm đặc trưng. Tương tự là: *Máy Chai*, *Máy Tơ*... (địa danh ở phường Ngô Quyền ngày nay).

4.3.3. Việt hóa địa danh Hán Việt

Nhiều địa danh Hán Việt được Việt hóa qua nhiều thế kỉ hoạt động trong tiếng Việt, tạo ra các biến thể thuần Việt hoặc lai:

(25) [Việt hóa] *Đương* 當 → *Đương* (vẫn là phụ danh trong tiếng Việt) → phụ danh chỉ khu vực; một số trường hợp biến thành "đường", "đương".

(26) [Việt hóa] *Hải* 海 trong nhiều địa danh → *Hải* (giữ nguyên âm Hán Việt, tích hợp vào hệ thống tiếng Việt) → *Hải Phòng*, *Hải An*, *Hải Thành*, *Đông Hải*, *Nam Hải*, *An Hải*,... - "*hải*" trở thành yếu tố địa danh tiêu biểu của vùng ven biển.

4.3.4. Hán hóa địa danh thuần Việt (*Sinicization*)

Quá trình ngược lại cũng xảy ra: địa danh thuần Việt bị Hán hóa khi ghi vào văn bản hành chính:

(27) [Hán hóa] *tràng An Biên* ← gốc: "vùng bờ biển an toàn" (thuần Việt) → *An Biên* 安邊 (Hán Việt) → nội dung ngữ nghĩa được dịch sang Hán văn để đưa vào hệ thống hành chính.

(28) [Hán hóa] *các làng nghề cổ ven biển có tên nôm* → được ghi bằng chữ Hán trong địa bạ với âm đọc Hán Việt → phổ biến trong địa bạ Gia Long 1805 - nhiều địa danh Nôm biến mất khi hệ thống địa bạ áp dụng chữ Hán.

4.3.5. Thay thế hoàn toàn (*replacement renaming*)

Đây là cơ chế địa chính trị - địa danh bị thay thế toàn bộ vì lí do lịch sử hoặc chính trị:

(29) [thay thế] *Rue Paul Bert* → *phố Đình Tiên Hoàng* → sau 1954: tên thực dân Pháp → tên hoàng đế Việt Nam.

(30) [thay thế] *Boulevard de la Somme* → *đường Trần Phú* → phố Pháp thuộc địa → lãnh tụ cách mạng Việt Nam.

(31) [thay thế] *tỉnh Hải Phòng (1883)* → *thành phố Hải Phòng (1888)* → *thành phố Hải Phòng mở rộng (2025)* → cùng tên nhưng phạm vi lãnh thổ thay đổi qua các lần cải cách hành chính.

4.3.6. Sản sinh địa danh mới theo quy tắc tổ hợp

Giai đoạn hiện đại tạo ra nhiều địa danh mới theo quy tắc tổ hợp từ các yếu tố định sẵn:

(32) [sản sinh mới] *Đình Vũ*, *Lạch Huyện*, *Tràng Duệ* → địa danh khu công nghiệp thế hệ mới - kết hợp địa danh cũ với yếu tố phát triển.

(30) [sản sinh mới] *phường Lê Chân (2025)* → địa danh mới sản sinh sau sáp nhập: lấy tên quận cũ để đặt cho phường mới lớn hơn, bảo tồn kí ức địa danh.

(31) [sản sinh mới] *đặc khu Cát Hải*, *đặc khu Bạch Long Vĩ (2025)* → địa danh hành chính hoàn toàn mới - hình thức "đặc khu" chưa từng có trong lịch sử địa danh Hải Phòng.

5. Giá trị văn hóa - lịch sử ẩn chứa trong địa danh Hải Phòng

5.1. Địa danh phản chiếu văn hóa biển - đặc trưng số một của Hải Phòng

Nếu phải xác định một đặc trưng văn hóa duy nhất nổi bật nhất qua hệ thống địa danh Hải Phòng, đó chính là văn hóa biển. Mật độ các từ chỉ địa hình biển trong địa danh Hải Phòng cao hơn hẳn bất kì vùng nào khác ở đồng bằng Bắc Bộ: vịnh, lạch, cửa, hòn, đảo, bãi, ghềnh, vụng, áng, mũi, cồn - mỗi từ phản chiếu một nét đặc thù của địa hình ven biển.

Đặc biệt thú vị là hệ thống địa danh biển đảo mang dấu vết truyền thuyết về cộng đồng ngư dân:

(33) [văn hóa biển] *Cát Bà* (← *Các Bà*) — *Cát Ông* (← *Các Ông*) → phản ánh phân công lao động theo giới: đàn ông ra biển đánh giặc (đảo Cát Ông), phụ nữ ở hậu phương lo hậu cần (đảo Cát Bà). Đây là bộ địa danh đôi (paired toponyms) hiếm gặp, phản chiếu thiết chế xã hội ngư dân cổ.

(34) [văn hóa biển] *Bạch Long Vĩ* (*đuôi rồng trắng*) → địa danh mô tả hình dáng đảo từ nhãn quan người nhìn từ biển: hòn đảo dài, hẹp, cát trắng trải như đuôi rồng. Hình ảnh rồng gắn với tín ngưỡng biển của ngư dân.

(35) [văn hóa biển] *sông Văn Úc, sông Thái Bình* → các địa danh thủy văn phản ánh tín ngưỡng vùng đất: "Văn Úc" gắn với truyền thuyết con cá ông (cá voi), đối tượng thờ phụng của ngư dân ven biển.

(36) [văn hóa biển] *Hòn Dấu* → theo truyền thuyết, là nơi có "dấu" (kí hiệu, chỉ dấu) của các thần linh biển - địa danh gắn với tín ngưỡng biển đảo.

5.2. Địa danh phản ánh lịch sử chống xâm lược - lớp địa danh anh hùng

Hải Phòng có mật độ cao bất thường các địa danh gắn với lịch sử kháng chiến chống ngoại xâm - phản chiếu vị trí cửa ngõ chiến lược của vùng đất này:

Bạch Đằng giang gắn với ba chiến thắng lừng lẫy (938, 981, 1288) đã trở thành địa danh biểu tượng cho ý chí độc lập của dân tộc Việt. Bãi cọc Cao Quý - được phát lộ năm 2019, xác nhận trận địa Bạch Đằng năm 1288 - là địa danh mới nhất gắn với lịch sử cổ xưa nhất, minh họa cho sự phục dựng địa danh qua khảo cổ học.

Địa danh An Biên gắn với nữ tướng Lê Chân (thế kỉ I CN) không chỉ là địa danh lịch sử mà còn là địa danh biểu tượng nữ quyền trong truyền thống Việt Nam - người phụ nữ khai phá vùng đất, đặt tên đất và bảo vệ đất. Cả quận Lê Chân (được đặt tên theo bà) và phường An Biên (giữ tên do bà đặt) tồn tại song song trong địa danh hành chính Hải Phòng hiện đại, tạo ra một "địa danh đôi" tưởng niệm cùng một nhân vật lịch sử.

5.3. Địa danh phản ánh giao lưu văn hóa quốc tế

Hải Phòng là cảng biển quốc tế từ thế kỉ XVII, vì thế hệ thống địa danh của nó chứa đựng dấu ấn của nhiều nền văn hóa:

Dấu ấn Hà Lan: cảng Domea (Đò Mè) và tên gọi Batsha/Batshaw là hai địa danh phản ánh giai đoạn thương nhân Hà Lan hoạt động tích cực ở vùng biển Đông Ngoài (thế kỉ XVII). Đặc biệt, các sản vật nông nghiệp do thương nhân Hà Lan mang đến như bắp cải, su hào, súp lơ đã được phổ biến ở vùng Tiên Lãng - Đồ Sơn, gián tiếp phản ánh qua địa danh vùng này.

Dấu ấn Pháp: cấu trúc đường phố Hải Phòng với nhiều tên đường mang truyền thống Pháp (Điện Biên Phủ, Hoàng Diệu, Trần Phú - thay cho các tên Pháp cũ) là di sản của giai đoạn thuộc địa. Đặc biệt, những tên nhà máy thuộc địa được Việt hóa (nhà máy Chai, nhà máy Bát...) là loại địa danh công nghiệp hiếm thấy trong đô thị Việt Nam.

Dấu ấn khoa học quốc tế: Isaac Newton đưa "Batsham" vào Principia Mathematica (1687); nhà thiên văn học Pierre-Simon Laplace cũng nhắc đến vùng biển này trong nghiên cứu thủy triều. Đây là hai trường hợp duy nhất ở Việt Nam mà một địa danh địa phương được nhắc đến trong tác phẩm khoa học kinh điển của thế giới - một giá trị văn hóa đặc thù của địa danh Hải Phòng.

5.4. Địa danh trong ca dao, tục ngữ, văn học dân gian Hải Phòng

Địa danh Hải Phòng in đậm trong văn học dân gian, tạo thành hệ thống "địa danh văn học" song hành với địa danh hành chính:

(37) [ca dao] *"Anh về Đồ Sơn tắm biển tối trời / Sóng xanh rờn rợn, mây trời lơ lửng"* → Đồ Sơn xuất hiện như biểu tượng biển cả và thời gian tự do trong ca dao Hải Phòng.

(38) [khuyết danh] *Chưa đi chưa biết Đồ Sơn/ Đi rồi mới biết không hơn "đồ nhà"*.

(39) [ca dao] *"Bạch Đằng giang sóng nổi trùng trùng / Bao nhiêu cọc gỗ dưới lòng sông sâu"* → Bạch Đằng giang như biểu tượng hy sinh và vinh quang trong văn học truyền khẩu vùng Thủy Nguyên.

(40) [ca dao] "Sông Cấm nước chảy vui đầy / Bao giờ cho tới ngày rộng mở cửa sông" → sông Cấm như biểu tượng về khát vọng tự do và mở cửa giao thương - địa danh gắn với tâm lí người cảng biển.

6. Biến động địa danh đương đại - địa danh biến mất và địa danh mới sản sinh (2020–2025)

Giai đoạn 2020-2025 là thời kì biến động địa danh học lớn nhất trong lịch sử Hải Phòng kể từ 1954. Hai sự kiện tác động mạnh nhất: (1) Nghị quyết số 1232/NQ-UBTVQH15 (10/2024) về sắp xếp đơn vị hành chính giai đoạn 2023-2025; (2) Nghị quyết số 202/2025/QH15 (6/2025) sáp nhập tỉnh Hải Dương vào thành phố Hải Phòng, tạo thành đô thị mới với 114 đơn vị hành chính cấp xã.

6.1. Địa danh bị mai một

Đợt sáp nhập 2025 đã xóa bỏ hàng trăm địa danh có tuổi đời từ vài chục đến vài trăm năm. Đây là những địa danh "chết" - không còn tồn tại trong hệ thống hành chính chính thức. Một số trường hợp tiêu biểu và đáng tiếc nhất:

Bảng 3. Một số địa danh cổ bị mai một sau sáp nhập hành chính 2025

Địa danh bị xóa	Nguồn gốc / Ý nghĩa	Sáp nhập vào	Giá trị cần bảo tồn
Phường Minh Đức	Minh Đức 明德: đức sáng; gắn với làng cổ Minh Đức, Thủy Nguyên	Phường Bạch Đằng (mới)	Địa danh Hán Việt cổ có chiều sâu Nho học
Phường Phạm Ngũ Lão	Tướng tài thời Trần, góp phần chiến thắng Bạch Đằng 1288	Phường Bạch Đằng (mới)	Địa danh nhân vật lịch sử gắn với chiến thắng Bạch Đằng
Phường Trần Hưng Đạo (Thủy Nguyên)	Vị anh hùng chiến thắng Nguyên Mông tại vùng đất này	Phường Lưú Kiếm (mới)	Địa danh kép liên kết nhân vật lịch sử với vùng đất cụ thể
Phường Hồ Nam, Dư Hàng	Địa danh cổ gắn với làng nghề và cộng đồng cư dân lâu đời quận Lê Chân	Phường Lê Chân (mới)	Địa danh làng nghề truyền thống
Các làng cổ ở Hải Dương (mới nhập vào)	Toàn bộ hệ thống địa danh tỉnh Hải Dương — Kinh Môn, Chí Linh, Kim Thành...	Thành phố Hải Phòng mới	Hệ thống địa danh Hải Dương có chiều sâu lịch sử riêng cần bảo tồn

6.2. Địa danh mới sản sinh - nguyên tắc và cơ chế đặt tên

6.2.1. Địa danh mới ở địa phương khác sản sinh từ địa danh gốc ở Hải Phòng

Một điều khá thú vị là có khá nhiều địa danh mới được hình thành ở địa phương khác, được hình thành từ địa danh gốc ở Hải Phòng. Sở dĩ có điều này là do Hải Phòng là miền biển, ngư dân từ Hải Phòng tỏa đi nhiều nơi xa đánh bắt hải sản và ở lại lập nghiệp trên vùng đất mới. Để tưởng nhớ về quê hương, họ đã lấy địa danh quê hương Hải Phòng cấu tạo nên địa danh mới. Chẳng hạn như: Trà Cỏ (Quảng Ninh) hình thành hơn 200 năm trước là tên ghép lấy 2 chữ đầu của 2 làng chài cổ xưa của Hải Phòng: Trà Phương và Cỏ Trai (nay thuộc Kiến Thụy, Hải Phòng); Tiên Yên (Quảng Ninh) là tên ghép 2 chữ đầu của 2 địa phương Tiên Lãng và Yên Cư, do đây là vùng đất mà người dân ở đây đến làm kinh tế mới. Ngay cả làng Vạn Vĩ hình thành hơn 300 năm trước (thuộc thành phố Đông Hưng, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc) là do người Đồ Sơn đặt tên, có nghĩa là “làng chài cuối cùng” trong chuỗi tên 7 làng chài (“vạn” 萬): Vạn Hương, Vạn Sơn... ở Đồ Sơn.

6.2.1. Địa danh mới sản sinh sau sáp nhập

Địa danh mới được sản sinh theo hai nguyên tắc chính, có thể quan sát rõ qua Nghị quyết 1669/NQ-UBTVQH15:

Nguyên tắc thứ nhất - kế thừa tên cũ: lấy tên của đơn vị hành chính cũ có diện tích lớn nhất, dân số đông nhất hoặc có vị trí địa lý trung tâm để đặt cho đơn vị mới. Ví dụ: phường Thủy Nguyên (mới) lấy tên thành phố Thủy Nguyên; phường Thiên Hương lấy tên phường Thiên Hương cũ trong khi sáp nhập thêm phường Hoàng Lâm.

Nguyên tắc thứ hai - đặt tên mới mang ý nghĩa lịch sử: phường Bạch Đằng (mới) được đặt để ghi nhớ di tích chiến thắng Bạch Đằng trên địa bàn Thủy Nguyên, mặc dù không phường nào trong ba phường sáp nhập có tên Bạch Đằng trước đó.

(41) [địa danh mới 2025] *Phường Bạch Đằng (mới)* ← *Minh Đức + Bạch Đằng (xã) + Phạm Ngũ Lão* → Địa danh lịch sử Bạch Đằng được "cứu" bằng cách đặt tên cho đơn vị hành chính mới, mặc dù ba đơn vị cũ không có tên này.

(42) [địa danh mới 2025] *Phường Lê Chân (mới)* ← *Hàng Kênh + Dư Hàng Kênh + Kênh Dương + An Biên (một phần) + ...* → Địa danh nhân vật lịch sử (nữ tướng Lê Chân) được gắn với vùng đất do chính bà khai phá từ thế kỉ I CN - sự kết hợp lịch sử ý nghĩa.

(43) [địa danh mới 2025] *Đặc khu Cát Hải, đặc khu Bạch Long Vĩ* → Hình thức "đặc khu" hoàn toàn mới trong lịch sử địa danh Hải Phòng - phản ánh chiến lược phát triển kinh tế biển và khẳng định chủ quyền biển đảo.

6.3. Nhận xét về địa danh Hải Phòng trong giai đoạn sáp nhập

Nhìn tổng thể, đợt sáp nhập 2025 tạo ra ba xu hướng địa danh học đáng chú ý:

Xu hướng thứ nhất - bảo tồn địa danh lịch sử có chọn lọc: một số địa danh gắn với chiến thắng lịch sử lớn (Bạch Đằng) được bảo tồn bằng cách gắn cho đơn vị hành chính mới. Tuy nhiên, nhiều địa danh cổ quan trọng khác bị mất (Minh Đức, Phạm Ngũ Lão, Trần Hưng Đạo...).

Xu hướng thứ hai - "siêu phường" và địa danh mất đặc trưng: các phường mới có diện tích và dân số rất lớn (phường Lê Chân: 161.051 người - lớn nhất Hải Phòng) dẫn đến địa danh không còn gắn chặt với không gian địa lý cụ thể. Địa danh mất đi tính chỉ xuất chính xác.

Xu hướng thứ ba - địa danh hành chính và địa danh dân gian phân ly ngày càng sâu: người dân vẫn tiếp tục dùng các địa danh cũ trong giao tiếp hằng ngày dù chúng không còn là địa danh hành chính chính thức. "Phường Minh Đức" hay "phường Phạm Ngũ Lão" vẫn sống trong kí ức cộng đồng và ngôn ngữ thường ngày - đây là hiện tượng "địa danh hóa thạch" (fossil toponyms) cần được ghi chép và bảo tồn.

7. Kết luận

Hệ thống địa danh Hải Phòng là một kho tàng ngôn ngữ-văn hóa đa tầng, phong phú và đang tiếp tục biến đổi. Qua khảo cứu, bài viết rút ra bốn kết luận:

Thứ nhất, về đặc điểm ngôn ngữ: địa danh Hải Phòng có cấu tạo theo mô hình yếu tố chung + yếu tố riêng nhất quán, với nguồn gốc đa tầng Việt - Hán - Pháp - Hà Lan phản chiếu vị thế cảng biển quốc tế của vùng đất. Sáu cơ chế biến đổi địa danh (đọc chệch, rút gọn, Việt hóa, Hán hóa, thay thế, sản sinh mới) tạo nên một hệ thống địa danh sống động, không ngừng vận động.

Thứ hai, về giá trị văn hóa: địa danh Hải Phòng phản chiếu bốn chiều văn hóa đặc sắc - văn hóa biển đảo (mật độ thuật ngữ địa hình biển cao nhất Bắc Bộ), văn hóa kháng chiến (địa danh anh hùng từ Bạch Đằng đến An Biên), văn hóa giao lưu quốc tế (dấu ấn Hà Lan, Pháp, và danh tiếng khoa học qua Newton-Laplace), và văn hóa dân gian sống động trong ca dao, tục ngữ.

Thứ ba, về biến động đương đại: đợt sáp nhập hành chính 2025 - lớn nhất trong lịch sử Hải Phòng - đã xóa bỏ hàng trăm địa danh cổ và sản sinh hàng trăm địa danh mới. Hiện tượng "địa danh hóa thạch" trong giao tiếp dân gian cho thấy sức sống bền vững của địa danh trong kí ức cộng đồng dù không còn tồn tại trong hệ thống hành chính.

Thứ tư, về đề xuất ứng dụng: đây là thời điểm cấp thiết để xây dựng cơ sở dữ liệu địa danh học Hải Phòng toàn diện - lưu trữ cả địa danh hành chính chính thức lẫn địa danh dân gian đang biến mất - nhằm bảo tồn di sản ngôn ngữ cho các thế hệ tương lai và làm cơ sở khoa học cho chính sách đặt tên, đổi tên trong tương lai.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Lê Trung Hoa (2006), *Địa danh học Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Khang (2008), “Những vấn đề đặt ra về chuẩn hóa địa danh nước ngoài trong tiếng Việt hiện nay”, Tạp chí *Địa chính*, số 3+4+5.
3. Từ Thu Mai (2004), *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, Luận án Tiến sĩ Ngôn ngữ học, ĐHQG Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Âu (1993), *Địa danh Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Thi Văn (2013), “Tìm hiểu xuất xứ tên gọi Thành phố Hải Phòng”, Tạp chí *Khoa học và Kinh tế Hải Phòng*, số 129.
6. Địa chí Hải Phòng (2001), Ủy ban Nhân dân thành phố Hải Phòng.
7. Nguyễn Bính (1572), *Thần tích Đương cảnh thành hoàng Nam Hải uy linh Thánh chân công chúa*, Bản lưu tại Bảo tàng Hải Phòng.
8. Đại Nam nhất thống chí (thế kỉ XIX), phần tỉnh Hải Dương, Nxb Thuận Hóa (tái bản 2006).
9. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (2025), Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025.
10. Quốc hội (2025), Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh (sáp nhập Hải Dương - Hải Phòng).
11. Nguyễn Kiên Trường (1996), *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng (so sánh với địa danh một số vùng khác)*, Luận án tiến sĩ Ngữ văn, Đại học KHXH và NV, H.
12. Nguyễn Minh Tường (2010), “Địa danh với vấn đề nghiên cứu lịch sử văn hóa địa phương”, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử*, số 8, tr.45-58.

Tiếng Anh

13. Superanskaya, A. V. (1985), *General Theory of Toponymy*, Nauka, Moscow.
14. Newton, Isaac (1687), *Philosophiae Naturalis Principia Mathematica*, London (Phần ghi chép về thủy triều tại cảng Batsham).
15. Dampier, William (1688), *A New Voyage Round the World* (Phần mô tả về Batsha/Đồ Sơn).
16. Laplace, Pierre-Simon (1799), *Mécanique céleste* (Phần nghiên cứu thủy triều ở vùng biển Batsham).
17. Richard, Abbé (1778), *Histoire naturelle, civile et politique du Tonquin*, Paris (Mô tả về cảng Domea).
18. Tent, J. & Blair, D. (2011), “Motivations for Naming: A Toponymic Typology”, *Names: A Journal of Onomastics*, 59(2), pp.67-89.

Linguistic and cultural features of place names in Hai Phong City

Abstract: This article investigates the linguistic and cultural characteristics of the place-name system in Hai Phong City through its historical layers, from the 1st century CE to the present. Analysing over 200 representative toponyms across three categories - administrative, natural, and cultural - the study identifies four distinctive linguistic features: (1) a consistent morphological structure of generic element + specific element; (2) a multi-stratum etymological origin encompassing Sino-Vietnamese, pure Vietnamese, French, and Dutch borrowings; (3) six characteristic mechanisms of toponymic change (phonic shift, truncation, Vietnamization, Sinicization, replacement renaming, and new coinage); and (4) a distinctive maritime cultural orientation reflected in a uniquely dense concentration of sea-terrain vocabulary absent elsewhere in the Red River Delta. The article also provides the first linguistic analysis of the landmark 2025 administrative merger - in which Hai Phong merged with Hai Duong Province - examining the erasure of hundreds of historical place names and the creation of new ones, and proposing urgent documentation to preserve Hai Phong's toponymic heritage.

Key words: Toponymy; Hai Phong; linguistic-cultural features; maritime place names; toponymic change.